

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Nguyễn Văn Cho**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Thành Phụng Đ, xã Đông H, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp Thành Phụng Đ, xã Đông H, huyện A, tỉnh K.

(Anh T có mặt; Chị L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị L tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng không chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm nay, trong quá trình chung sống vợ chồng do xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên gia đình có hàn gắn cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không thành, hôn nhân không thể kéo dài.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung là: Huỳnh Văn D, sinh năm 1998; Huỳnh Minh Đ, sinh năm 2003; Huỳnh Minh H, sinh năm 2005. Hiện cháu D, cháu Đ đã trưởng thành và tự lao động được. Cháu Minh H đang ở với L.

Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L. Về con chung giao cháu Minh H cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Huỳnh Văn D và Huỳnh Minh Đ đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tự khai và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Do quen biết chị và anh T tiến tới hôn nhân vào năm 1998, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh, chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Trong quá trình chung sống có 03 con chung là: Huỳnh Văn D, sinh năm 1998; Huỳnh Minh Đ, sinh năm 2003; Huỳnh Minh H, sinh năm 2005. Hiện cháu D, cháu Đ đã trưởng thành và tự lao động được. Cháu Minh H đang ở với chị. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý. Chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh T: Xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị L; Về con chung giao cháu Minh H cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Huỳnh Văn D và Huỳnh Minh Đ đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị L: Có đơn xin vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt nêu rõ chị giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày theo tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày 11 tháng 5 năm 2022.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị L xác định sống chung với nhau từ năm 1998 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng. Anh T và chị L xác định có 03 con chung là: Huỳnh Văn D, sinh năm 1998; Huỳnh Minh Đ, sinh năm 2003; Huỳnh Minh H, sinh năm 2005, khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Minh H cho chị L nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Huỳnh Văn D và Huỳnh Minh Đ đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Về tài sản chung: Anh T và chị L xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về nợ chung: Anh, chị xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L thống nhất trình bày do quen biết anh, chị chung sống với nhau từ năm 1998 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T trong quá trình chung sống vợ chồng do xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên gia đình có hàn gắn cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không thành, nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài nên anh xin ly hôn.

Chị L xác định sau quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh, chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đông H xác nhận anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh T và chị L đã thật sự trầm trọng, anh chị đã có thời gian ly thân khá lâu

mà vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Đồng thời hai bên gia đình có hàn gắn cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không thành, nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài nên anh T làm đơn xin ly hôn và chị L cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định anh T và chị L không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị L xác định có 03 chung Huỳnh Văn D, sinh năm 1998; Huỳnh Minh Đ, sinh năm 2003; Huỳnh Minh H, sinh năm 2005. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận thống nhất tiếp tục giao Huỳnh Minh H, sinh năm 2005 cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Huỳnh Văn D và Huỳnh Minh Đ đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh T và chị L ly thân thì cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 2005 cho chị L nuôi dưỡng và sự thỏa thuận của anh chị không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tiền cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

Đối với Huỳnh Văn D và Huỳnh Minh Đ đã trưởng thành và tự lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị L xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 227, 228, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao Huỳnh Minh H, sinh năm 2005 cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

Đối với Huỳnh Văn D và Huỳnh Minh Đ đã trưởng thành và tự lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị L xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T và chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005296 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên cần trừ xem như anh T đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Huỳnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án

được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Đông H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

